

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ TNHH Nhà nước Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Kạn theo Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700127785, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi mã số doanh nghiệp và tên Công ty. Trong đó, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi được cấp lần thứ 4 ngày 30 tháng 12 năm 2015 do tăng vốn điều lệ và thay đổi loại hình Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam
- Điện thoại : 0281 871 139
- Fax : 0281 871 531

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch theo tiêu chuẩn Việt Nam;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Phạm Công Lập	Chủ tịch	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hoà	Thành viên	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên	Ngày 21 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
Bà Triệu Thị Thuý	Thành viên	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
Ông Mai Phi Long	Thành viên	Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Công Lập	Giám đốc	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thò	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Công Lập - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

~~Giám đốc~~



Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Số: 2.0414/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 04 năm 2019, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, các khoản công nợ phải thu khách hàng với tổng số tiền là 2.969.172.468 VND chưa được đối chiếu xác nhận từ phía các đối tượng liên quan (xem thuyết minh số V.2). Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng chưa cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản phải thu này. Do đó chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết nếu có đối với các khoản phải thu nói trên cũng như các yếu tố liên quan của Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.852.978.574	12.186.473.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.164.364.760 ✓	2.976.484.852
1. Tiền	111		2.664.364.760 ✓	1.976.484.852
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000 ✓	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.550.833.770	4.386.699.648
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.969.172.469 ✓	3.864.533.393
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	85.015.800 ✓	90.260.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	844.029.745 ✓	875.234.253
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(348.460.317) ✓	(465.796.829)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	1.076.073 ✓	22.468.831
IV. Hàng tồn kho	140		4.645.398.573	4.385.503.669
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.645.398.573 ✓	4.385.503.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		492.381.471	437.785.802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	492.381.471 ✓	412.499.490
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	13.617.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	11.668.659
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.660.829.270	78.186.066.595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.878.656.494	73.858.696.368
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	71.878.656.494 ✓	73.858.696.368
Nguyên giá	222		133.323.717.663 ✓	130.352.382.497
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.445.061.169) ✓	(56.493.686.129)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	2.512.966.094	2.529.861.105
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.512.966.094 ✓	2.529.861.105
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.269.206.682	1.797.509.122
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.269.206.682 ✓	1.797.509.122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.513.807.844	90.372.540.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		50.468.655.321	53.339.891.202
I. Nợ ngắn hạn	310		18.507.794.700	19.654.862.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	872.577.352 ✓	2.938.719.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	23.494.052 ✓	22.581.337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	448.916.202 ✓	209.873.216
4. Phải trả người lao động	314		1.117.004.875 ✓	954.167.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	451.122.200 ✓	515.822.753
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11.399.273.188 ✓	11.220.184.976
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	3.627.200.112 ✓	3.292.882.636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	568.206.719 ✓	500.630.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		31.960.860.621	33.685.028.738
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	31.960.860.621 ✓	33.685.028.738
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.045.152.523	37.032.649.364
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	37.044.377.374	37.031.874.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.273.000.000	36.273.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.273.000.000	36.273.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		771.377.374	758.874.215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	758.874.215
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		771.377.374 ✓	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		775.149	775.149
1. Nguồn kinh phí	431		775.149	775.149
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		87.513.807.844	90.372.540.566

Lập, ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thanh

Phạm Công Lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	23.016.899.828 ✓	22.397.027.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	188.055 ✓	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.016.711.773	22.397.027.390
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	15.428.859.439 ✓	15.734.350.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.587.852.334	6.662.677.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	89.822.584 ✓	110.760.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.970.513.438 ✓	1.509.670.493
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.607.478.447 ✓	1.509.670.493
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.310.758.967 ✓	879.913.972
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.411.534.108 ✓	3.469.850.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		984.868.405	914.003.045
11. Thu nhập khác	31	VI.8	26.915.570 ✓	38.704.631
12. Chi phí khác	32	VI.9	34.744.036 ✓	3.308.232
13. Lợi nhuận khác	40		(7.828.466)	35.396.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		977.039.939	949.399.444
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	205.662.565 ✓	190.525.229
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		771.377.374 ✓	758.874.215
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	163	160
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	163	160

Lập, ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thanh

Phạm Công Lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.120.207.590	23.861.644.203
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.269.454.104)	(12.432.546.281)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.907.717.326)	(6.206.237.277)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.556.033.681)	(1.550.807.219)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(60.525.229)	(193.208.434)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		286.266.684	487.677.723
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.585.858.392)	(1.571.810.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.026.885.542	2.394.712.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.749.247.997)	(362.279.645)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.060.217	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.649.187.780)	(362.279.645)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		195.013.509	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.811.183.555)	(3.571.620.003)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(573.647.808)	(580.368.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.189.817.854)	(4.151.988.003)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		187.879.908	(2.119.555.333)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.976.484.852	5.096.040.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.164.364.760	2.976.484.852

Lập, ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thanh

Phạm Công Lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch theo tiêu chuẩn Việt Nam;
- Quản lý, khai thác, duy trì bảo dưỡng sửa chữa hệ thống cấp và thoát nước;
- Khai thác nước ngầm;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, phụ tùng, vật tư cấp và thoát nước;
- Xây dựng dân dụng, thủy lợi;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, đá tinh khiết;
- Kiểm định, phân tích chất lượng nước;
- Tư vấn lập dự án, giám sát xây lắp công trình cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 84 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 83 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí in hóa đơn, chi phí vỏ bình nước và chi phí lắp đặt mạng lưới đường ống nước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí in hóa đơn

Được phân bổ vào chi phí theo thực tế xuất dùng.

Chi phí vỏ bình nước

Được phân bổ vào chi phí theo thực tế xuất dùng.

Chi phí lắp đặt mạng lưới đường ống nước

Là đồng hồ, đường ống lắp đặt thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 40
Máy móc và thiết bị	5 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy; với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.799.173.909 ✓	1.170.479.811
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	865.190.851 ✓	806.005.041
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	500.000.000 ✓	1.000.000.000
Cộng	3.164.364.760	2.976.484.852

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án giao thông Bắc Kạn – Di chuyển đường ống cấp nước 257	461.164.152	761.164.152
Dự án nạo vét hệ thống thoát nước thị xã Bắc Kạn	486.169.733	377.437.733
Dự án khu dân cư phía nam	400.000.000	400.000.000
Ban Quản lý dự án xây dựng thị xã	199.999.999	700.531.057
Các khách hàng khác	1.421.838.585	1.625.400.451
Cộng	2.969.172.469 ✓	3.864.533.393

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Kạn	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Hà Nội	38.500.000	
Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định Chất lượng Xây dựng Bắc Kạn	10.000.000	
Nguyễn Duy Thê	19.515.800	
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Chuyên ngành		73.260.000
Cộng	85.015.800 ✓	90.260.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	129.728.656 ✓		112.058.176	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			10.947.222	
Ký cược, ký quỹ	10.000.000 ✓		10.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	704.301.089 ✓	46.270.705	742.228.855	46.270.705
Cộng	844.029.745	46.270.705	875.234.253	46.270.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Mê Linh	Trên 3 năm	72.626.114	72.626.114	Trên 3 năm	72.626.114	72.626.114
Ban quản lý dự án Thành phố	Trên 3 năm	93.717.300	93.717.300	Trên 3 năm	93.717.300	93.717.300
Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Thanh Bình				Trên 3 năm	117.336.512	117.336.512
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	182.116.903	182.116.903	Trên 3 năm	182.116.903	182.116.903
Cộng		348.460.317 ✓	348.460.317		465.796.829	465.796.829 ✓

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	465.796.829 ✓	465.796.829
Hoàn nhập dự phòng	(117.336.512) ✓	
Số cuối năm	348.460.317 ✓	465.796.829

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.785.082.024 ✓		3.927.151.842	
Công cụ, dụng cụ	237.934.273 ✓		26.121.315	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	480.896.067 ✓		430.999.696	
Thành phẩm	125.784.524 ✓			
Hàng gửi đi bán	15.701.685 ✓		1.230.816	
Cộng	4.645.398.573		4.385.503.669	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí in hóa đơn	70.976.620	23.613.600
Chi phí vỏ bình nước	377.579.725	375.335.725
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.825.126	13.550.165
Cộng	492.381.471 ✓	412.499.490

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	121.116.702	272.050.469
Chi phí lắp đặt mạng lưới đường ống nước	1.094.821.606	1.380.755.174
Các chi phí trả trước dài hạn khác	53.268.375	144.703.479
Cộng	1.269.206.682 ✓	1.797.509.122

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.554.838.170	10.193.462.136	73.558.582.191	45.500.000	130.352.382.497
Mua trong năm		397.645.000			397.645.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.279.616.761		294.073.405		2.573.690.166
Số cuối năm	48.834.454.931	10.591.107.136	73.852.655.596	45.500.000	133.323.717.663 ✓
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.349.836.727	6.142.899.680	27.975.754.097	25.195.625	56.493.686.129
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.349.836.727	6.142.899.680	27.975.754.097	25.195.625	56.493.686.129
Khấu hao trong năm	1.900.455.095	680.080.264	2.364.071.556	6.768.125	4.951.375.040
Số cuối năm	24.250.291.822	6.822.979.944	30.339.825.653	31.963.750	61.445.061.169 ✓
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.205.001.443	4.050.562.456	45.582.828.094	20.304.375	73.858.696.368
Số cuối năm	24.584.163.109	3.768.127.192	43.512.829.943	13.536.250	71.878.656.494 ✓
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 47.513.454.093 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn	250.244.344	294.073.405	(294.073.405)		250.244.344
Xây dựng bể lắng lọc nhà máy nước Thành phố	2.279.616.761	1.261.000.000	(2.279.616.761)		1.261.000.000
Di chuyển đường ống Trung tâm huấn luyện Công an tỉnh.		82.305.000			82.305.000
Tiểu dự án mở rộng mạng cấp 3 Thành phố		898.445.934			898.445.934
Tiểu dự án mở rộng MC3 Chợ Mới		20.970.816			20.970.816
Cộng	2.529.861.105	2.557.136.247	(2.573.690.166)	(341.092)	2.512.966.094

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Môi trường và Thiết bị Hà Nội	381.452.500 ✓	467.400.000
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Công nghệ Thanh Bình	128.066.917 ✓	66.818.785
Công ty Cổ phần HAWACO	115.280.000 ✓	118.530.500
Trung tâm Y tế dự phòng Công ty Econet Phần Lan.	102.028.000 ✓	-
Các nhà cung cấp khác	-	1.737.421.060
	145.749.935	548.549.065
Cộng	872.577.352 ✓	2.938.719.410

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
UBND thị trấn Chợ Rã	2.430.715	2.379.816
Hội chữ thập đỏ		5.600.000
Trường THPT Bắc Kạn	6.227.098	126.098
Các khách hàng khác	14.836.239	14.475.423
Cộng	23.494.052 ✓	22.581.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			481.064.898	(441.986.297)	39.078.601	✓
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.382.444	✓	205.662.565	(60.525.229)	199.519.780	✓
Thuế thu nhập cá nhân		11.668.659	✓	121.278.300	(73.475.163)	36.134.478
Thuế tài nguyên	12.146.550	✓	208.791.070	(202.991.560)	17.946.060	✓
Thuế bảo vệ môi trường	143.344.222	✓	1.941.513.591	(1.928.620.530)	156.237.283	✓
Các loại thuế khác			9.145.620	(9.145.620)		
Cộng	209.873.216	11.668.659	2.967.456.044	(2.716.744.399)	448.916.202	✓

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT nước sinh hoạt 5%
- Thuế GTGT nước uống tinh khiết, hoạt động xây lắp, bán vật tư 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	977.039.939 ✓	949.399.444
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	51.272.885	3.226.699
- Các khoản điều chỉnh giảm	51.272.885	3.226.699
Thu nhập chịu thuế	1.028.312.824	952.626.143
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	1.028.312.824	952.626.143
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	205.662.565	190.525.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	205.662.565 ✓	190.525.229

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên bao gồm nước mặt và nước dưới đất theo quy định.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động bán nước sạch.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thẩm định và chi phí bảo hành dự án cấp nước Ba Bể	399.677.434	399.677.434
Phí bảo lãnh tín dụng dự án cấp nước và vệ sinh thị xã	-	116.145.319
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Cộng	<u>51.444.766</u>	<u>-</u>
	<u>451.122.200</u> ✓	<u>515.822.753</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.548.290 ✓	27.333.802
Phải trả về cổ phần hóa	10.441.703.278 ✓	10.243.942.885
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.400.000 ✓	9.400.000
Vật tư thừa sau thi công dự án ⁽ⁱ⁾	737.878.635	737.878.635
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>203.742.985</u>	<u>201.629.654</u>
Cộng	<u>11.399.273.188</u> ✓	<u>11.220.184.976</u>

- (i) Đây là số vật tư thừa sau thi công dự án “Hệ thống cấp nước thị xã Bắc Kạn 4.000m³ nhận của Ban Quản lý dự án chuyên ngành xây dựng – Sở Xây dựng Bắc Kạn tồn đọng từ năm 2006, chưa được xử lý.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn (xem thuyết minh số V.16b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

Số đầu năm	3.292.882.636
Kết chuyển từ vay dài hạn	3.616.170.046
Số tiền vay đã trả	<u>(3.281.852.570)</u>
Số cuối năm	<u>3.627.200.112</u> ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn	31.960.860.621	33.685.028.738
Dự án cấp nước Bằng Lũng ⁽ⁱ⁾	4.875.337.731	5.257.171.549
Dự án cấp nước Nà Phặc ⁽ⁱⁱ⁾	3.682.800.351	3.978.306.785
Dự án cấp nước Yên Lạc - Na Rì ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.583.357.212	7.583.357.212
Dự án cấp nước Chợ Rã - Ba Bể ^(iv)	4.453.100.648	4.857.900.648
Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn ^(v)	11.366.264.679	12.008.292.544
Cộng	31.960.860.621 ✓	33.685.028.738

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Vay dài hạn của Công ty không bao gồm vay dài hạn phải trả bên liên quan. Vay dài hạn chỉ bao gồm các khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- (i) Khoản vay vốn ODA Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐODA - NHPTVN ngày 22/8/2007 và được điều chỉnh bởi hợp đồng số 23/2010/HĐODA - NHPTVN ngày 07/5/2010 để thực hiện dự án cấp nước Thị trấn Bằng Lũng, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay là 6.769.743.713 VND, thời hạn vay 25 năm, ân hạn 8 năm kể từ ngày 22/8/2007 và lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 8,4%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay vốn ODA Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng số 02/2007/HĐODA - NHPTVN ngày 22/8/2007 và được điều chỉnh bởi hợp đồng số 25/2010/HĐODA - NHPTVN ngày 07/5/2010 để thực hiện dự án cấp nước Thị trấn Nà Phặc, Huyện Ngân Sơn, Tỉnh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay là 5.211.137.202 VND, thời hạn vay 25 năm, ân hạn 8 năm kể từ ngày 22/8/2007 và lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 8,4%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay vốn ODA Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng số 47/2012/HĐODA - NHPTVN ngày 10/12/2012 để đầu tư các hạng mục của dự án ĐTXD hệ thống cấp nước thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay là 8.562.000.000 đ, thời hạn vay 25 năm, ân hạn 96 tháng kể từ ngày 10/12/2012 lãi suất vay là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và không thay đổi trong suốt thời gian vay. Phí cho vay 0,2%/năm. Lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.
- (iv) Khoản vay vốn ODA Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐODA - NHPTVN ngày 11/01/2008 và được điều chỉnh bởi hợp đồng số 36/2013/HĐODA - NHPTVN ngày 24/12/2013 để thực hiện dự án cấp nước Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay là 8.355.000.000 VND, thời hạn vay 23 năm, ân hạn 3 năm kể từ ngày 11/01/2008 và lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 8,4%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay vốn ODA Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 13/2015/HĐODA - NHPTVN ngày 02/6/2015 để đầu tư các hạng mục của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tổng mức vốn cho vay tối đa tương đương 1.935.277,97 EUR, đồng tiền cho vay, nhận nợ và trả nợ là đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việt Nam, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay là 7,642%/năm tính trên số dư nợ và không thay đổi trong suốt thời gian vay. Phí cho vay 0,2%/năm. Lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.627.200.112	3.292.882.636
Trên 1 năm đến 5 năm	14.199.173.810	14.199.173.810
Trên 5 năm	17.761.686.811	19.485.854.928
Cộng	35.588.060.733	36.977.911.374

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Kạn như sau:

Số đầu năm	33.685.028.738
Số tiền vay phát sinh	2.421.332.914
Số tiền vay đã trả	(529.330.985)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.616.170.046)
Số cuối năm	31.960.860.621

16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận khen thưởng từ đơn vị ngoài</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	59.228.483	51.275.242	42.250.000	(52.940.000)	99.813.725 ✓
Quỹ phúc lợi	434.494.469	119.642.231		(100.240.000)	453.896.700 ✓
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.907.552	7.588.742			14.496.294 ✓
Cộng	500.630.504	178.506.215	42.250.000	(153.180.000)	568.206.719 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	36.273.000.000	690.755.274	36.963.755.274
Lợi nhuận trong năm trước		758.874.215	758.874.215
Trích lập các quỹ		(110.387.274)	(110.387.274)
Chia cổ tức, lợi nhuận		(580.368.000)	(580.368.000)
Số dư cuối năm trước	36.273.000.000	758.874.215	37.031.874.215
Số dư đầu năm nay	36.273.000.000	758.874.215	37.031.874.215
Lợi nhuận trong năm nay		771.377.374 ✓	771.377.374
Trích lập các quỹ		(178.506.215)	(178.506.215)
Chia cổ tức, lợi nhuận		(580.368.000)	(580.368.000)
Số dư cuối năm nay	36.273.000.000 ✓	771.377.374	37.044.377.374

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông Nhà nước	23.214.720.000	64%	23.214.720.000	
Các cổ đông khác	13.058.280.000	36%	13.058.280.000	
Cộng	36.273.000.000	100%	36.273.000.000	

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.627.300	3.627.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.627.300	3.627.300
- Cổ phiếu phổ thông	3.627.300	3.627.300
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.627.300	3.627.300
- Cổ phiếu phổ thông	3.627.300	3.627.300
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 137/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 580.368.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 7.588.742
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 170.917.473

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư	26.631.509 ✓	9.729.399 ✓
Doanh thu bán thành phẩm	22.564.265.136 ✓	20.668.260.841 ✓
Doanh thu xây lắp	426.003.183 ✓	1.719.037.150 ✓
Cộng	<u>23.016.899.828 ✓</u>	<u>22.397.027.390 ✓</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư xuất bán	22.534.774 ✓	8.049.600 ✓
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.181.728.706 ✓	14.317.523.034 ✓
Giá vốn xây lắp	224.595.959 ✓	1.408.777.644 ✓
Cộng	<u>15.428.859.439 ✓</u>	<u>15.734.350.278 ✓</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.607.478.447	1.509.670.493
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	363.034.991	
Cộng	<u>1.970.513.438 ✓</u>	<u>1.509.670.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	958.249.664 ✓	588.711.439
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.918.980 ✓	50.838.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.609.091 ✓	29.191.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.803.818 ✓	87.194.971
Các chi phí khác	252.177.414	123.977.285
Cộng	1.310.758.967 ✓	879.913.972

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.483.784.001 ✓	2.376.283.907
Chi phí đồ dùng văn phòng	128.558.684 ✓	76.896.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	318.715.313 ✓	325.222.547
Thuế, phí và lệ phí	35.130.442 ✓	30.097.870
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(117.336.512) ✓	
Các chi phí khác	562.682.180	661.350.119
Cộng	3.411.534.108 ✓	3.469.850.444

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tài sản được biếu tặng		6.976.000
Tiền bồi thường	2.478.056	31.667.545
Thu nhập khác	6.953.722	61.086
Chênh lệch do kiểm kê thừa vật tư	17.483.792	
Cộng	26.915.570 ✓	38.704.631

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	946.212	1.944.604
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.355.151	1.282.095
Tồn thất do kiểm kê thiếu vật tư	15.918.251	
Chi phí khác	16.524.422	81.533
Cộng	34.744.036 ✓	3.308.232

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	771.377.374	758.874.215
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(178.506.215)	(178.506.215)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	592.871.159	580.368.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.627.300	3.627.300
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	163	160

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chia cổ tức cho các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 39.345.200 VND (năm trước số tiền là 39.345.200 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm có lương và thù lao với tổng tiền lương, thù lao trong năm là 1.097.763.844 VND (năm trước là 1.035.372.246 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 04 năm 2019



Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Thanh
Kế toán trưởng



Phạm Công Lập
Giám đốc

